

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM

Số: 240 /CV-TTKN

V/v báo giá văn phòng phẩm, vật rẻ mau hỏng, vật tư khác

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 26 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, đơn vị cung cấp hàng hóa tại Việt Nam.

Hiện nay, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá một số văn phòng phẩm, vật rẻ mau hỏng, vật tư khác để làm căn cứ xác định giá mua sắm phục vụ công tác chuyên môn của đơn vị. Vì vậy, Trung tâm trân trọng mời các hãng sản xuất, đơn vị cung cấp hàng hóa có đủ năng lực, kinh nghiệm quan tâm và báo giá một số văn phòng phẩm, vật rẻ mau hỏng, vật tư khác (theo phụ lục I đính kèm).

* Yêu cầu cụ thể về báo giá như sau:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục II đính kèm.
- Báo giá trọn gói theo từng phần.
- Giá trong báo giá là tiền Đồng Việt Nam (VNĐ), là giá đã bao gồm tất cả chi phí nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT), chi phí vận chuyển tới Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình và các chi phí liên quan khác (nếu có);
- Báo giá phải ghi rõ thông số: Hãng sản xuất, xuất xứ, quy cách, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền của hàng hóa chào giá;
- Hiệu lực của báo giá tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá;
- Báo giá phải có dấu và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định;
- Các đơn vị quan tâm và báo giá về Trung tâm theo địa chỉ: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình (Địa chỉ: Số 113 đường Nguyễn Tông Quai, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình).

Thời gian nhận báo giá: Trong giờ hành chính từ thời điểm phát hành văn bản đến trước 8h 30 ngày 02/6/2025 (thứ 2).

Thông tin chi tiết liên hệ: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình, điện thoại: 02273.833.512 hoặc 0336750059.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTH.



GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
ThS. Bùi Thị Minh Thủy



PHỤ LỤC I

(Đính kèm Công văn số 240/CV- TTKN ngày 26/5/2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình)

1. Yêu cầu chung

Tất cả sản phẩm phải được đóng gói theo tiêu chuẩn và theo quy định của nhà sản xuất, nguyên tem nhãn, mác sản phẩm.

2. Yêu cầu cụ thể

2.1. Phần 1. Văn phòng phẩm

Stt	Tên văn phòng phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Bàn dập ghim to	Ghim 100 - 210 tờ, dùng được 4 loại ghim bấm	Cái	Cái	1
2.	Bàn dập ghim bé	Ghim tối đa 20 tờ, dùng ghim bấm số 10	Cái	Cái	6
3.	Băng dính 2 mặt nhỏ	Băng keo 2 mặt, màu trắng, bản 2cm, dài 10m	Cuộn	Cuộn	8
4.	Băng dính 2 mặt to	Băng keo 2 mặt, màu trắng, bản 5cm, dài 10m	Cuộn	Cuộn	7
5.	Băng dính giấy (dán trên lọ) 2cm	Băng giấy keo 1 mặt, màu trắng, bản 2cm, dài 10m	Cuộn	Cuộn	12
6.	Băng dính trắng	Băng keo trong suốt, bản 2cm	Cuộn	Cuộn	7
7.	Băng dính trắng	Băng keo trong suốt, bản 5cm, dài 80 yards	Cuộn	Cuộn	13
8.	Băng dính xanh (gáy)	Màu xanh, bản 5cm, dày 0,4mm, dài 7,5m	Cuộn	Cuộn	18
9.	Băng dính đen	Băng keo đen, bản 2cm, dài 20 m	Cuộn	Cuộn	10
10.	Bìa A4	Bìa giấy A4, màu xanh dương	100 tờ/Gram	Gram	6,5
11.	Bìa kính A4	Bìa nhựa cứng A4, trong suốt	100 tờ/Gram	Gram	3,5
12.	Bút bi	Đường kính bi 0,7mm, mực xanh	Cái	Cái	333
13.	Bút chì	Bút chì khúc, độ cứng ruột chì HB.	Cái	Cái	21
14.	Bút kim (bút kí)	Bút nước, màu xanh, nét 0.7mm	Cái	Cái	12
15.	Bút nhớ dòng	Mực vàng hoặc xanh, nét viết 4mm	Cái	Cái	10
16.	Bút dạ kính	Bút lông, 2 đầu bút 0.4 mm và 1 mm, mực màu xanh	Cái	Cái	105
17.	Bút xoá	Đầu bút bằng kim loại, mực trắng, dung tích mực: 12ml	Cái	Cái	6
18.	Dao dọc giấy nhỏ	Lưỡi dao bằng thép hợp kim sk5, nhọn và sắc bén, kích thước lưỡi dao: 100×10mm	Cái	Cái	34



ps

Stt	Tên văn phòng phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
19.	Ghim bấm	Ghim số 10, chất liệu: thép cứng, kích thước ghim: cao 4.7mm, rộng 8.5mm	1000 ghim/Hộp	Hộp	33
20.	Ghim bấm	Ghim số 3, chất liệu: thép mạ điện, kích thước ghim: cao 6mm, rộng 11.7mm	1000 ghim/Hộp	Hộp	6
21.	Ghim kẹp (cài)	Chất liệu: kim loại cứng, được phủ lớp niken chống gỉ, dài 2,5cm	100 cái/Hộp	Hộp	30
22.	Giá để tài liệu	Chất liệu nhựa, màu xanh, 4 ngăn	Cái	Cái	3
23.	Giấy in A4	Giấy màu trắng, kích thước A4, định lượng 70gms	500 tờ/Gram	Gram	143
24.	Giấy nhó	Màu vàng, kích thước 76.2 x 76.2 mm, độ dính cao	100 tờ/Tập	Tập	20
25.	Giấy nhó	Màu vàng, kích thước 76x51mm, độ dính cao	100 tờ/Tập	Tập	14
26.	Giấy chia file	Kích thước: 297 x 210mm	100 tờ/Tập	Tập	3
27.	Keo dán giấy	Khô nhanh, độ kết dính cao	30ml/Lọ	Lọ	13
28.	Kéo	Kéo nhọn, chất liệu: Thép không gỉ	Cái	Cái	6
29.	Kẹp sắt (kẹp bướm)	Chất liệu kim loại cứng, được phủ lớp niken chống gỉ, kẹp 19mm	12 cái/hộp	Hộp	9
30.	Kẹp sắt (kẹp bướm)	Chất liệu kim loại cứng, được phủ lớp niken chống gỉ, kẹp 25 mm	12 cái/hộp	Hộp	9
31.	Kẹp sắt(kẹp bướm)	Chất liệu kim loại cứng, được phủ lớp niken chống gỉ, kẹp 51 mm	12 cái/hộp	Hộp	9
32.	Máy tính	Kích thước: 141 × 77 × 19,5 mm, màn hình hiển thị 12 chữ số	Cái	Cái	5
33.	Pin điều khiển	Kích thước 10 x 44,5 mm	Đôi	Đôi	11
34.	Pin tiểu	Kích thước 13,5 x 50,5 mm	Đôi	Đôi	28
35.	Sổ B8 bìa da	Bìa da 20 × 25cm, 240 trang	Quyển	Quyển	8
36.	Sổ bìa da A4	Bìa da 30 × 22cm, 200 trang	Quyển	Quyển	10
37.	Tẩy chì	Kích thước 4.3 x 2 x 1.3 cm, chất liệu cao su, màu trắng	Cái	Cái	5
38.	Túi cóc khổ A	Túi nilon đóng mở có cóc, kích thước 23x32cm	Cái	Cái	159
39.	Túi cóc khổ F	Túi nilon đóng mở có cóc, kích thước 26x36cm	Cái	Cái	55
40.	Thước kẻ	Thước nhựa trong suốt, dài 30cm, có chia vạch rõ ràng	Cái	Cái	9
41.	Vở kẻ ngang	Khổ B5 - 179 x 252 mm, 120 trang cả bìa	Quyển	Quyển	22
42.	Sổ vào mẫu	Bìa cứng, kích thước 20x30cm, 140 trang	Quyển	Quyển	2

12

Stt	Tên văn phòng phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
43.	Cặp hộp	Kích thước: 22x33x7cm, bìa hộp được làm từ carton cứng, có vải PVC bọc ngoài	Cái	Cái	20
44.	Mực dấu	Mực màu đỏ	28ml/Lọ	Lọ	2
45.	Túi đựng lỗ	Túi nilon, màu trắng, có đục lỗ	100 tờ/Tập	Tập	2
46.	Sổ quỹ TM	Theo quy định Bộ tài chính	Quyển	Quyển	2

2.2. Phần 2. Vật rẻ mau hồng

Stt	Tên vật rẻ mau hồng	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số Lượng
1	Bật lửa	Chất liệu: vỏ bằng nhựa chiều dài 8cm, chiều rộng 1 cm	Cái	Cái	17
2	Bộ cây lau nhà 360	Chất liệu nhựa PP, lồng vắt inox, bông lau bằng sợi Microfiber	Bộ	Bộ	3
3	Chậu nhựa	Chất liệu nhựa trong, đường kính 46 cm cao 25 cm	Cái	Cái	8
4	Chổi nhựa quét nhà	Cán sắt bọc nhựa, lõi chổi làm bằng sợi nhựa mềm	Cái	Cái	7
5	Chổi đót	Chất liệu: đót khô, cán được cuốn bằng dây sợi nhựa chắc, lõi chổi mềm	Cái	Cái	6
6	Chổi lau nhà	Cán Inox dài 145 cm, lõi bông sợi mềm	Cái	Cái	3
7	Gầu hút rác	Cán nhựa dài 15 cm, lõi nhựa mỏng 20 cm x 30 cm	Cái	Cái	6
8	Giấy vệ sinh	Giấy 3 lớp dài 360 m, bột giấy nguyên chất	10 cuộn/Túi	Túi	36
9	Khăn lau thấm nước	Chất liệu sợi bông mềm thấm nước, kích thước 28 x 48 cm, trọng lượng 60 gram	Cái	Cái	130
10	Nước rửa kính	Dạng dung dịch	500ml/Chai	Chai	16
11	Ca nhựa có nắp 2 lít	Chất liệu nhựa trắng trong có quai cầm, có lắp đáy, có miệng mở để rót	Cái	Cái	3
12	Túi đựng rác	Túi nilon, màu đen, không có mùi	Kg	Kg	21
13	Thùng rác có nắp	Chất liệu: nhựa cứng, hình trụ chữ nhật, 02 lớp, có lắp đáy, có lồng đáy cao 40 x 25 cm	Cái	Cái	2
14	Ghế	Chất liệu nhựa, kích thước 25 x 18 x 20 cm	Cái	Cái	3
15	Rổ	Chất liệu nhựa, kích thước 40 x 35 x 30 cm	Cái	Cái	10
16	Hộp nhựa có nắp	Chất liệu nhựa, kích thước 35x25x10cm, có nắp đóng mở dễ dàng	Cái	Cái	10

12

Stt	Tên vật rẻ mau hỏng	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số Lượng
17	Xà phòng	Dạng bột	1kg/Túi	Kg	20
18	Chổi lau kính	Cán thép sơn tĩnh điện dài 150 cm, đầu gạt cao su 35 cm	Cái	Cái	2
19	Máy hút bụi cầm tay	Bộ phụ kiện 3 đầu vòi, 1 tay cầm dài, dây nguồn 04 m, bình chứa 0,8 lít	Cái	Cái	2
20	Xô nhựa	Chất liệu nhựa, thể tích: 20 Lít	Cái	Cái	5
21	Thùng tôn	Chất liệu tôn trắng, kích thước 60 x 45 x 40 cm	Cái	Cái	3
22	Khóa móc	Chất liệu sắt, có móc khóa	Cái	Cái	3
23	Móc dán tường	Chất liệu nhựa cứng, có móc, miếng dán chắc	Cái	Cái	28

2.3. Phần 3. Vật tư khác

Stt	Tên vật tư khác	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số Lượng
1	Gang tay cao su	Chất liệu bằng cao su non, màu xanh hoặc đen, chịu được nhiệt độ cao và ăn mòn axit, size 7-9.5	Đôi	Đôi	23
2	Giấy rút	Chất liệu giấy, mềm mịn 03 lớp, kích thước giấy 19,5 x 20 cm	540 tờ/Gói	Gói	82
3	Túi nilon kẹp zip	Chất liệu nilon dẻo trắng, có kẹp zip dễ mở	Kg	Kg	6,6
4	Dây nịt	Chất liệu bằng cao su non, đường kính 2-4 cm	Kg	Kg	0,8
5	Nước rửa chén	Dạng dung dịch, mùi thơm nhẹ, không chất tẩy	Lít/Chai	Lít	21

Handwritten signature/initials



PHỤ LỤC II: MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 24-D/CV-ITKN ngày 26/5/2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình)

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình
Địa chỉ: Số 113 đường Nguyễn Tông Quai, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Ngày:....

Số báo giá:..

Điện thoại:.....

Người lập:.....

STT	Tên Hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	A							
2	B							
n	...							

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 60 ngày, kể từ ngày tháng năm 2025.

Giá trong báo giá là tiền Đồng Việt Nam (VNĐ), là giá đã bao gồm tất cả chi phí nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT), chi phí vận chuyển tới Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình và các chi phí liên quan khác (nếu có);

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

